



PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
MST: 0100686174

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

Năm báo cáo 2018

1. Tình hình kinh doanh và đầu tư 03 năm trước (từ năm 2015 đến năm 2017):

1.1 Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu 03 năm trước:

a) Nguồn vốn huy động:

- Vốn huy động tăng trưởng bền vững, phù hợp với tăng trưởng tín dụng, cân đối vốn an toàn thanh khoản và hiệu quả. Tăng trưởng vốn huy động của Agribank năm 2015 đạt 15,7%, năm 2016 đạt 14,9% và năm 2017 đạt 14,6%. Đến 31/12/2017, tổng nguồn vốn huy động tại Agribank đạt 1.074.798 tỷ đồng, tăng 32,7% so với năm 2015, trong đó tiền gửi khách hàng¹ là 1.007.851 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2015, tăng 16,4% so với năm 2016, chiếm 93,8% vốn huy động của Agribank.

- Cơ cấu vốn tiếp tục chuyển dịch theo hướng ổn định, tăng tỷ trọng vốn trung dài hạn, vốn huy động từ dân cư; nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng, tiền gửi của các TCTD được quản lý chặt chẽ. Agribank giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng lãi suất thị trường, duy trì mặt bằng lãi suất đầu vào thấp để giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp.

b) Hoạt động tín dụng:

- Tăng trưởng tín dụng đạt mục tiêu hàng năm, cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp nông thôn, sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ. Chất lượng tín dụng được đảm bảo, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 02 được kiểm soát và duy trì ở mức dưới 3%.

- Tăng trưởng tín dụng của Agribank năm 2015 đạt 16%, năm 2016 đạt 17,5% và năm 2017 đạt 17,6%. Đến 31/12/2017, tổng dư nợ cho vay (bao gồm cả trái phiếu VAMC) đạt 918.060 tỷ đồng, tăng 36,3% so với năm 2015.

- Chất lượng tín dụng ngày càng được cải thiện và kiểm soát có hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu (theo Thông tư 02) giảm dần: năm 2015 là 2,01%, năm 2016 là

¹ Báo cáo tài chính riêng 2017 đã kiểm toán

Lưu ý

1,89% và năm 2017 là 1,54% giảm 0,47% so với năm 2015 và giảm 0,35% so với năm 2016, hoàn thành mục tiêu được NHNN giao.

- Agribank tiếp tục triển khai có hiệu quả 07 chính sách tín dụng, 01 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN như: cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 41 và 55/2015/NĐ-CP; cho vay theo chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 63/QĐ-TTg, Quyết định số 65/QĐ-TTg, Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; cho vay ưu đãi lãi suất đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Thông tư 06/2009/TT-NHNN của NHNN; cho vay gia súc, gia cầm (chăn nuôi, chế biến thịt lợn, gia cầm), cá tra, và tôm; cho vay chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... Đến 31/12/2017, dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 645.367 tỷ đồng với trên 3 triệu khách hàng, tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn luôn chiếm trên 70% dư nợ cho vay của Agribank và trên 50% tổng dư nợ cho vay lĩnh vực này của toàn ngành ngân hàng đã và đang đóng góp tích cực trong quá trình triển khai Đề án Tái cơ cấu nền nông nghiệp Việt Nam và thực hiện chính sách phát triển Tam nông của Đảng, Chính phủ.

c) Hoạt động kinh doanh dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, đạt kết quả năm sau cao so với năm trước cả về số lượng khách hàng và thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ² năm 2017 đạt 4.207 tỷ đồng, tăng 1.266 tỷ đồng (43,0%) so với năm 2015 và tăng 733 tỷ đồng (+21%) so với năm 2016.

d) Kết quả tài chính và nộp ngân sách nhà nước³:

- Doanh thu hàng năm tăng trưởng cao hơn năm trước năm 2017 tổng doanh thu đạt 91.691 tỷ đồng, tăng 18,7% so với năm 2016 và tăng 41% so với năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 5.066 tỷ đồng, tăng 20,3% so với năm 2016 (năm 2016 đạt 4.212 tỷ đồng; năm 2015 đạt 3.706 tỷ đồng).

- Nộp ngân sách nhà nước năm 2017 đạt 1.008 tỷ đồng, tăng 22,1% so với năm 2016 (năm 2016 nộp 824 tỷ đồng).

- Bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, Agribank đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thể hiện vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng. Hàng năm, Agribank chi khoảng 300 tỷ đồng/năm thực hiện công tác an sinh xã hội, trong đó năm 2017 đã chi 298 tỷ đồng cho chương trình xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục y tế, hỗ trợ các tỉnh bị thiên tai.... góp phần nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống của người dân nông thôn, tạo ảnh hưởng tích cực của Agribank tới cộng đồng.

1.2 Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm: *Luany*

^{2 3}: Báo cáo tài chính riêng 2016 đã kiểm toán

- Dự án đầu tư về Công nghệ thông tin và Thẻ: 6 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt 922 tỷ đồng, giảm 57 tỷ đồng (-5,6%) so với năm 2016, đến 31/12/2017 đã giải ngân 428,5 tỷ đồng, giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng của 03 dự án là 403,5 tỷ đồng

- Dự án đầu tư về xây dựng cơ bản: 24 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư được phê duyệt 2.607 tỷ đồng, giảm 107 tỷ đồng (-3,9%) so với năm 2016, đến 31/12/2017 đã giải ngân 1.721 tỷ đồng, giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng là 1.113 tỷ đồng.

1.3 Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm:

- Agribank đã triển khai thành công đề án tái cơ cấu giai đoạn 1, hoàn thành các mục tiêu của đề án, hoạt động kinh doanh từng bước được ổn định và tăng trưởng đáng kể. Những kết quả đạt được trong giai đoạn tái cơ cấu đã được nhiều đoàn kiểm tra, giám sát của Đảng, Chính phủ, Kiểm toán nhà nước và kiểm toán quốc tế có uy tín kiểm tra, giám sát và ghi nhận. Agribank tiếp tục giữ vững vị trí là ngân hàng thương mại, bán lẻ hàng đầu Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Đến năm 2016, Agribank tiếp tục là NHTM duy nhất trong Top 10 của Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500); liên tục giữ vững danh hiệu Top 10 doanh nghiệp, thương hiệu mạnh, danh tiếng nhất Đông Nam Á; Tạp chí Banker xếp hạng 446 trong 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới.

- Năm 2017, triển khai quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” và Chỉ thị 06/CT-NHNN ngày 20/7/2017 của Thống đốc NHNN, Agribank xây dựng phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 và đã được Thống đốc NHNN phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-NHNN.m ngày 08/01/2018.

1.4 Thuận lợi và khó khăn chủ yếu:

- Ngày 21/6/2017, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (Nghị quyết 42), tạo khung hành lang pháp lý góp phần xử lý nhanh, dứt điểm nợ xấu tại các TCTD.

- Agribank luôn nhận được sự quan tâm của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành và chính quyền địa phương. Các chủ trương, chính sách mới của Ban lãnh đạo Agribank nhận được sự ủng hộ, chia sẻ, tin tưởng thống nhất cao trong toàn hệ thống.

- Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động kinh doanh của Agribank còn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, đặc biệt là các yếu tố sau:

+ Khu vực nông nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn từ các năm trước và giá nông sản, thực phẩm giảm đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống của khách hàng trong khu vực nông nghiệp, nông thôn nơi tập trung vốn cho vay của Agribank.

+ Là ngân hàng chủ lực trong đầu tư tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, với 70% dư nợ của Agribank trong lĩnh vực này, đã cơ

bản đáp ứng đủ vốn với lãi suất ưu đãi, phục vụ kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của các đối tượng chính sách và các lĩnh vực ưu tiên. Tuy nhiên, do lĩnh vực đầu tư lĩnh vực nông nghiệp nông thôn có mức rủi ro cao, lãi suất cho vay thấp theo quy định đối với lĩnh vực ưu tiên trong khi chi phí hoạt động lớn vì đặc thù khách hàng nhỏ lẻ trên địa bàn nông thôn, Agribank phải cạnh tranh huy động vốn bình đẳng trên thị trường để đáp ứng nhu cầu cho vay... dẫn đến lợi nhuận hàng năm giảm, ảnh hưởng đến kết quả tài chính của Agribank.

1.5 Kế hoạch kinh doanh năm 2018:

- Nguồn vốn huy động: tăng từ 13-15%
- Dự nợ cho vay nền kinh tế: tăng 14%
- Tỷ lệ nợ xấu (theo Thông tư 02): dưới 3%
- Lợi nhuận trước thuế: tăng 10%
- Kế hoạch vốn đầu tư nội ngành: 3.896 tỷ đồng
- Đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động.

Biểu số 1
Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh chủ yếu

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | 2015 | 2016 | 2017 | Ước TH 2018 |
|----|--------------------------------|---------|---------|---------|-----------|-------------|
| 1 | Nguồn vốn huy động | Tỷ đồng | 810.101 | 931.170 | 1.074.798 | 1.214.522 |
| 2 | Dư nợ cho vay | Tỷ đồng | 673.435 | 791.450 | 918.060 | 1.046.588 |
| 3 | Tỷ lệ cho vay NNNT | % | 71% | 69% | 73,60% | 65-70% |
| 4 | Tỷ lệ nợ xấu | % | 2,01% | 1,89% | 1,54% | <3% |
| 5 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 65.059 | 77.235 | 91.691 | 97.780 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3.706 | 4.212 | 5.066 | 5.500 |
| 7 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 807,7 | 823,9 | 1.005,8 | 1.097 |
| 8 | Chi phí an sinh xã hội | Tỷ đồng | 350 | 346 | 298 | 400 |
| 9 | Tổng lao động (chưa gồm NQLDN) | Người | 36.322 | 36.183 | 36.682 | 37.782 |
| 10 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 7.724,8 | 8.662,2 | 9.713,2 | 10.498 |
| - | Quỹ lương quản lý | Tỷ đồng | 12,1 | 15,8 | 18,1 | 18,1 |
| - | Quỹ lương lao động | Tỷ đồng | 7.712,7 | 8.646,4 | 9.695,1 | 10.480 |

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con: Chi tiết tại biểu số 2

Luang

BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CÓ PHẦN CHI PHỐI

| TT | Tên doanh nghiệp | Thực hiện năm 2015 | | | Thực hiện năm 2016 | | | Thực hiện năm 2017 | | | Ước thực hiện năm báo cáo 2018 | | |
|-----|---|-----------------------|----------------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------|
| | | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ (%) | Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng) | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%) | Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng) | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%) | Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng) | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%) | Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng) |
| 1 | Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2) | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Agribank | 650 | 100 | 650 | 510 | 100 | 510 | 510 | 100 | 510 | 350 | 100 | 350 |
| 1.2 | Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Agribank (AMC) | 30 | 100 | 30 | 30 | 100 | 30 | 30 | 100 | 30 | 150 | 100 | 150 |
| 1.3 | Công ty Cho thuê Tài chính I (ALCI) | 200 | 100 | 200 | 200 | 100 | 200 | 200 | 100 | 200 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2) | | | | | | | | | | | | |



| | | | | | | | | | | |
|-----|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 2.1 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco) | 2,120 | 74.92 | 1,251 | 2,120 | 74.92 | 1,251 | 2,120 | 74.92 | 1,251 |
| 2.3 | Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Agribank (ABIC) | 380 | 51.32 | 195.8 | 380 | 51.32 | 195.8 | 380 | 51.32 | 195.8 |

50